

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 14 - 51 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 04 33 545 735
- Fax : 04 33 542 280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và buru điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hên)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|----------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Trần Văn Ngự | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Lê Văn Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Phạm Việt Cường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Dương Hoài Nam | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------------|------------|--------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014 |
| Ông Đặng Xuân Thu | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Vũ Hải | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Lê Văn Tuấn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Hữu Hải | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Mạnh Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2006 |
| Ông Phạm Lạp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2010 |
| Ông Vi Giang Khu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.


CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. 

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc 



Lê Văn Tuấn

Ngày 14 tháng 03 năm 2016

AA
CH
C
SH
ITC
A
TA
SE



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 152/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2016, từ trang 7 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

PH
NI
HI
AN
A

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 458.895.261.283 | 437.191.334.877 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 170.531.208.177 | 47.370.856.667 |
| 1. Tiền | 111 | | 90.531.208.177 | 47.370.856.667 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 80.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.517.908.365 | 13.420.650.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 17.749.000.000 | 17.749.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (6.231.091.635) | (4.328.350.000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 229.763.064.593 | 286.724.583.519 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 204.240.667.171 | 286.294.865.341 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 20.429.423.074 | 22.316.569.691 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 14.012.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 15.571.598.330 | 22.764.781.612 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (24.490.623.982) | (44.701.633.125) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 50.000.000 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 46.316.274.123 | 89.127.335.334 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 46.316.274.123 | 89.127.335.334 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 766.806.025 | 547.909.357 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 227.319.961 | 155.339.439 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 539.486.064 | 392.569.918 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

10/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 286.247.308.548 | 181.842.450.379 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 20.565.229.577 | 9.480.126.711 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 19.294.461.680 | 9.480.126.711 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 1.270.767.897 | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 95.573.717.780 | 99.854.622.007 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 95.087.097.780 | 99.339.177.418 |
| Nguyên giá | 222 | | 180.263.987.602 | 174.382.632.092 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (85.176.889.822) | (75.043.454.674) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 486.620.000 | 515.444.589 |
| Nguyên giá | 228 | | 486.620.000 | 2.216.090.426 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | (1.700.645.837) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 171.171.950 | 126.320.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 171.171.950 | 126.320.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 169.777.174.950 | 70.251.773.480 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 178.196.994.720 | 70.251.773.480 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (8.419.819.770) | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 160.014.291 | 2.129.608.181 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 160.014.291 | 2.129.608.181 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 745.142.569.831 | 619.033.785.256 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 442.271.264.005 | 377.025.484.238 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 383.030.960.333 | 349.090.366.727 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13a | 113.858.468.120 | 104.197.537.682 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 60.577.966.360 | 73.749.829.373 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 26.665.590.651 | 24.456.788.746 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 15.345.760.881 | 17.254.455.619 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 11.076.422.491 | 9.008.575.276 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 53.879.166.110 | 46.571.471.850 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 88.785.167.694 | 73.364.706.590 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.20a | 11.951.469.996 | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 890.948.030 | 487.001.591 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 59.240.303.672 | 27.935.117.511 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.13b | 18.907.698.712 | 15.262.580.255 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.17 | 202.250.000 | 202.250.000 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 500.000.000 | 2.000.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 9.262.744.784 | 10.470.287.256 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.20b | 30.367.610.176 | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 302.871.305.826 | 242.008.301.018 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 302.871.305.826 | 242.008.301.018 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 115.531.050.000 | 115.531.050.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 115.531.050.000 | 115.531.050.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 34.366.527.623 | 34.366.527.623 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 67.247.066.956 | 55.674.562.431 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 85.726.661.247 | 36.436.160.964 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 36.436.160.964 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 85.726.661.247 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 745.142.569.831 | 619.033.785.256 |

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng *stome*

Trần Văn Ngư

Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 924.322.055.425 | 861.387.092.443 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | 384.619.738 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 924.322.055.425 | 861.002.472.705 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 794.885.158.268 | 721.275.900.913 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 129.436.897.157 | 139.726.571.792 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 17.449.056.431 | 9.416.088.774 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 21.537.788.330 | 17.399.378.129 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.431.951.821 | 10.320.347.695 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 24.031.207.213 | 81.858.017.974 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 101.316.958.045 | 49.885.264.463 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3.001.557.175 | 458.514.114 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 2.431.216.006 | 6.799.358.334 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 570.341.169 | (6.340.844.220) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 101.887.299.214 | 43.544.420.243 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 16.160.637.967 | 7.108.259.279 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>85.726.661.247</u> | <u>36.436.160.964</u> |

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | |
|--|-------------------|------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 101.887.299.214 | 43.544.420.243 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 13.066.245.301 | 12.108.779.891 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 32.430.632.434 | 42.444.774.711 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 141.033.220 | (38.641) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (16.120.280.348) | (7.939.975.882) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 5.431.951.821 | 10.320.347.695 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 136.836.881.642 | 100.478.308.017 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 79.952.509.057 | (60.863.985.219) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 42.811.061.211 | 18.723.547.374 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (19.502.234.856) | (6.107.885.186) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 1.897.613.368 | (536.565.843) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (5.431.847.564) | (10.362.836.892) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (8.355.755.664) | (361.324.581) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 3.700.500.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (1.353.500.000) | (5.046.280.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 226.854.727.194 | 39.623.477.670 |

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

| | | | |
|---|----|------------------|-----------------|
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (8.906.894.411) | (5.734.336.471) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 410.681.818 | 624.499.918 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (17.024.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 3.012.000.000 | (4.170.000.000) |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (87.945.221.240) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 15.786.299.917 | 7.714.630.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 106.885.800 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 106.754.743.881 | 214.005.752.478 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (92.541.825.249) | (238.719.954.568) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (23.240.160.400) | (14.069.728.450) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(9.027.241.768)</i> | <i>(38.677.044.740)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 123.160.351.510 | (618.773.623) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 47.370.856.667 | 47.989.591.649 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 38.641 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 170.531.208.177 | 47.370.856.667 |

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện xong việc chuyển công nợ phải thu thành vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với số tiền 20.000.000.000 VND, số cổ phần tương ứng là 2.000.000 Cổ phần, đồng thời mua thêm 1.548.576 cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu lên 56,71%. Trong năm, Công ty cũng thực hiện xong việc mua 5.407.590 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa và hai Công ty này trở thành Công ty con của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|----------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội | Xây dựng công trình điện | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường | Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La | Sản xuất điện thương phẩm | 54,57% | 65,28% | 70% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn | Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang | Sản xuất điện thương phẩm | 56,71% | 56,71% | 56,71% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa | 138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | Sản xuất điện thương phẩm | 65,10% | 65,10% | 65,1% |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Sơn La | Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5 | Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 | Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam | Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Nhà Máy thủy điện Thác Trắng | Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên |

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Theo trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.419 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.222 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

1-0
Á
T
H
V
C
N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

18/01/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối năm} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh đầu năm} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh trong năm} - \text{Giá vốn hàng bán trong năm}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong năm} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính (nếu có)}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác đá bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 8 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 |

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

111111

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5% - 5% trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.113.832.246 | 1.375.760.153 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 89.417.375.931 | 45.995.096.514 |
| Các khoản tương đương tiền | 80.000.000.000 | |
| <i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> | | |
| Cộng | <u>170.531.208.177</u> | <u>47.370.856.667</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|--|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Cổ phiếu | 17.749.000.000 | 11.517.908.365 | (6.231.091.635) | 17.749.000.000 | 13.420.650.000 | (4.328.350.000) |
| Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà | 10.000.000.000 | 5.600.000.000 | (4.400.000.000) | 10.000.000.000 | 6.660.000.000 | (3.340.000.000) |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 | 5.952.000.000 | 5.684.298.365 | (267.701.635) | 5.952.000.000 | 5.952.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội | 1.797.000.000 | 233.610.000 | (1.563.390.000) | 1.797.000.000 | 808.650.000 | (988.350.000) |
| Cộng | <u>17.749.000.000</u> | <u>11.517.908.365</u> | <u>(6.231.091.635)</u> | <u>17.749.000.000</u> | <u>13.420.650.000</u> | <u>(4.328.350.000)</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | (4.328.350.000) | (570.000.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (1.902.741.635) | (3.758.350.000) |
| Hoàn nhập dự phòng | | |
| Số cuối năm | <u>(6.231.091.635)</u> | <u>(4.328.350.000)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 178.196.994.720 | (8.419.819.770) | | 70.251.773.480 | | |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾ | 47.381.773.480 | | | 47.381.773.480 | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱⁱ⁾ | 22.870.000.000 | | | 22.870.000.000 | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 35.594.689.000 | (8.419.819.770) | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà ^(iv) | 72.350.532.240 | | 73.002.465.000 | | | |
| Cộng | 178.196.994.720 | (8.419.819.770) | | 70.251.773.480 | | |

(i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 42.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 2.162.000 cổ phiếu, tương đương 54,57% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 20.380.000.000 VND tương đương với 2.038.000 cổ phiếu.

(iii) Trong năm Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

(iv) Trong năm Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà với giá mua là 72.350.532.240 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2015. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|------------------------|------------------|
| Số đầu năm | | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (8.419.819.770) | |
| Hoàn nhập dự phòng | | |
| Số cuối năm | (8.419.819.770) | |

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long | | |
| <i>Giao dịch bán hàng</i> | | |
| Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa | 7.169.741.711 | 4.207.085.598 |
| Doanh thu cước vận chuyển | 304.327.818 | |
| Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 579.110.956 | 226.320.778 |
| <i>Giao dịch mua hàng</i> | | |
| Chi phí xây lắp hoàn thành | 98.044.353.449 | 29.703.117.267 |
| <i>Giao dịch khác</i> | | |
| Cổ tức được chia | 14.451.776.705 | 7.500.000.000 |
| Mua TSCĐ của Sông Đà 11 Thăng Long | | 544.720.490 |
| Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định | | 306.318.100 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông (To Bông) | | |
| Ứng trước về giá trị công trình xây dựng | 4.179.777.683 | 11.483.347.300 |
| Cho vay vốn lưu động | | 4.000.000.000 |
| Góp vốn điều lệ | | 4.170.000.000 |
| Lãi vay phải trả To Bông | 312.000.000 | - |
| Doanh thu khối lượng xây lắp | 56.676.427.637 | 475.235.415 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn (Bát Đại Sơn) | | |
| Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp tại Bát Đại Sơn | 20.000.000.000 | |
| Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa (Đăk Đoa) | | |
| Cho Đăk Đoa vay | 14.012.000.000 | |
| Lãi vay phải thu Đăk Đoa | 194.202.400 | |

11/2015/11/11

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 47.207.649.199 | 47.521.092.846 |
| Tổng Công ty Sông Đà | 34.060.087.129 | 19.498.274.735 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 54.560.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông | 7.551.677.019 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn | 2.634.493.507 | 23.174.493.507 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc đo | 194.202.400 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 50.668.981 | 50.668.981 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội | 342.191.931 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 4.269.940 | 64.265.846 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 20.242.990 | 1.288.190.538 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 209.596.355 | 136.460.977 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 8 | 87.826.656 | 87.826.656 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 131.260.145 | 365.372.599 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 118.217.792 | 438.419.162 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He | 1.326.185.000 | 1.326.185.000 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | | 732.354.681 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 123.237.580 | 253.298.463 |
| Công ty Cổ phần Someco | 105.281.701 | 105.281.701 |
| Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Someco | 44.786.104 | |
| Cty tư vấn XD Sông Đà Ucrin | 3.347.563 | |
| Công ty Cổ phần ĐT& XD Sông Đà 9 | 68.297.726 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 77.218.680 | |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 157.033.017.972 | 238.773.772.495 |
| BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc | 53.506.104.041 | 51.274.976.980 |
| BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam | 13.670.493.840 | 46.250.857.367 |
| BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung | 11.047.417.236 | 18.393.484.907 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội | 14.596.707.858 | 17.642.175.858 |
| BQL Dự án lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh | 4.575.823.089 | 23.783.662.834 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh | 6.155.390.904 | 16.583.979.086 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7 | 7.135.804.784 | 9.873.227.593 |
| BQL Dự án Nhiệt điện 1 | | 13.054.802.996 |
| Phải thu khách hàng khác | 46.345.276.220 | 41.916.604.874 |
| Cộng | 204.240.667.171 | 286.294.865.341 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | | |
| Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc | 6.944.510.305 | 9.480.126.711 |
| Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung | 2.534.141.687 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đrinh | 4.730.622.712 | - |
| Công ty CP Thủy điện Hòa na | 2.023.920.140 | - |
| Phải thu khách hàng khác | 3.061.266.836 | - |
| Cộng | 19.294.461.680 | 9.480.126.711 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 3.573.263.042 | 6.706.372.875 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 3.573.263.042 | 6.706.372.875 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 16.856.160.032 | 15.610.196.816 |
| Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam | 7.224.376.237 | |
| Công ty Giải pháp Năng lượng Việt | 4.291.977.431 | |
| Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương | - | 3.424.308.453 |
| Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na | - | 3.572.809.295 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.339.806.364 | 5.726.032.746 |
| Cộng | <u>20.429.423.074</u> | <u>22.316.569.691</u> |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất vay vốn ngắn hạn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây, thời hạn vay không quá 12 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | | | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 48.500.000 | | 42.500.000 | |
| Tạm ứng | 8.476.679.434 | | 8.363.555.585 | |
| Phải thu của CBCNV | 1.621.963.078 | | 1.638.316.666 | |
| Phải thu các đội công trình | 101.264.642 | | 214.830.461 | |
| Tiền cổ tức phải thu | 695.750.000 | | 695.750.000 | |
| Tiền thuê đất được giảm | | | 471.376.762 | |
| Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư | 1.793.291.869 | | 4.587.055.055 | |
| Các khoản chi hộ nhà thầu phụ | | | 4.922.431.058 | |
| Thuế GTGT chưa được khấu trừ | 565.763.980 | | | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.268.385.327 | | 1.828.966.025 | |
| Cộng | <u>15.571.598.330</u> | | <u>22.764.781.612</u> | |

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|--|-------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | | 1.906.576.370 | 462.702.178 | | 23.538.729.284 | 3.678.148.680 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn - Tiền khối lượng xây lắp | Từ 2 đến 3 năm | 1.542.340.593 | 462.702.178 | Từ 1 đến 2 năm | 23.174.493.507 | 3.678.148.680 |
| Tổng Công ty Sông Đà - Tiền nước | Trên 3 năm | 364.235.777 | - | Trên 3 năm | 364.235.777 | - |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | 25.898.953.432 | 2.852.203.642 | | 31.102.684.478 | 6.261.631.957 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội - Tiền khối lượng xây lắp | Trên 3 năm | 12.156.428.764 | - | Từ 2 đến 3 năm | 17.642.175.858 | 1.127.854.211 |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 13.742.524.668 | 2.852.203.642 | | 13.460.508.620 | 5.133.777.746 |
| Cộng | | 27.805.529.802 | 3.314.905.820 | | 54.641.413.762 | 9.939.780.637 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn | Nợ phải thu và cho vay dài hạn | Cộng |
|----------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 44.701.633.125 | | 44.701.633.125 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 992.034.952 | | 992.034.952 |
| Hoàn nhập dự phòng | (21.203.044.095) | | (21.203.044.095) |
| Số cuối năm | 24.490.623.982 | - | 24.490.623.982 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.426.484.644 | 15.485.353.584 |
| Công cụ, dụng cụ | 184.634.124 | 5.962.555.642 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 40.705.155.355 | 67.679.426.108 |
| Cộng | 46.316.274.123 | 89.127.335.334 |

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------|---------------|
| Công cụ dụng cụ | 160.014.291 | 1.801.699.094 |
| Chi phí bóc phủ mỏ đá | | 327.909.087 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 79.625.169.708 | 69.917.342.894 | 24.274.468.581 | 565.650.909 | 174.382.632.092 |
| Mua trong năm | - | 8.822.542.461 | - | 39.500.000 | 8.862.042.461 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (942.341.125) | (1.981.615.826) | (56.730.000) | (2.980.686.951) |
| Số cuối năm | 79.625.169.708 | 77.797.544.230 | 22.292.852.755 | 548.420.909 | 180.263.987.602 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 413.956.007 | 8.028.959.487 | 8.998.425.477 | 471.693.636 | 17.913.034.607 |
| Chờ thanh lý | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 23.707.064.489 | 31.868.923.712 | 18.919.124.713 | 548.341.760 | 75.043.454.674 |
| Khấu hao trong năm | 3.573.295.128 | 7.393.291.936 | 2.051.330.102 | 19.503.546 | 13.037.420.712 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (865.639.738) | (1.981.615.826) | (56.730.000) | (2.903.985.564) |
| Số cuối năm | 27.280.359.617 | 38.396.575.910 | 18.988.838.989 | 511.115.306 | 85.176.889.822 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 55.918.105.219 | 38.048.419.182 | 5.355.343.868 | 17.309.149 | 99.339.177.418 |
| Số cuối năm | 52.344.810.091 | 39.400.968.320 | 3.304.013.766 | 37.305.603 | 95.087.097.780 |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 50.616.138.090 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay trung và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Lợi thế kinh doanh | Thương hiệu Sông Đà | Cộng |
|--------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 486.620.000 | 729.470.426 | 1.000.000.000 | 2.216.090.426 |
| Giảm trong năm | | (729.470.426) | (1.000.000.000) | (1.729.470.426) |
| Số cuối năm | 486.620.000 | - | - | 486.620.000 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn
còn sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Lợi thế kinh doanh</u> | <u>Thương hiệu Sông Đà</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | | 717.312.502 | 983.333.335 | 1.700.645.837 |
| Khấu hao trong năm | | 12.157.924 | 16.666.665 | 28.824.589 |
| Giảm trong năm | | (729.470.426) | (1.000.000.000) | (1.729.470.426) |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | <u>486.620.000</u> | <u>12.157.924</u> | <u>16.666.665</u> | <u>515.444.589</u> |
| Số cuối năm | <u>486.620.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>486.620.000</u> |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---------------------------------|--------------------|--|--|-----------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | | 8.862.042.461 | (8.862.042.461) | | - |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 126.320.000 | 176.152.300 | | (131.300.350) | 171.171.950 |
| Cộng | <u>126.320.000</u> | <u>9.038.194.761</u> | <u>(8.862.042.461)</u> | <u>(131.300.350)</u> | <u>171.171.950</u> |

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 56.604.558.884 | 15.896.678.981 |
| Tổng Công ty Sông Đà | 335.085.416 | 266.916.678 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 36.386.738.905 | 11.528.058.230 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông | 228.372.500 | |
| Công ty Cổ phần Someco Sông Đà | 15.052.744.388 | 2.894.466.265 |
| Công ty Cổ phần Thép Việt Ý | 8.472.109 | 8.472.109 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 47.508.259 | 150.255.124 |
| Công ty cổ phần Sông Đà 3 | 3.542.814.629 | |
| Công ty CP Sông Đà 12 | 1.002.822.678 | 665.205.575 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He | - | 383.305.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 57.253.909.236 | 88.300.858.701 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka | 13.668.826.003 | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà | 8.368.145.018 | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hưng Phát | | 9.116.338.316 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tân | 900.144.756 | 6.576.478.290 |
| Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương | | 7.004.110.093 |
| Các nhà cung cấp khác | 34.316.793.459 | 65.603.932.002 |
| Cộng | <u>113.858.468.120</u> | <u>104.197.537.682</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13b. Phải trả người bán dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.967.146.200 | 1.863.600.056 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11-Thăng Long | 1.967.146.200 | 1.198.394.481 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | - | 665.205.575 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 16.940.552.512 | 13.398.980.199 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng EVN quốc tế 1 | 268.806.184 | 3.788.357.133 |
| Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương | 6.000.712.266 | 3.160.380.136 |
| CTCP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn | 1.561.050.947 | |
| CTCP Đầu tư Khánh Hưng | 1.338.049.898 | |
| Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh | 1.198.819.928 | |
| CTCP xây lắp và dịch vụ Sông Đà | 1.138.959.071 | |
| Phải trả dài hạn nhà cung cấp khác | 5.434.154.218 | 6.450.242.930 |
| Cộng | 18.907.698.712 | 15.262.580.255 |

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | 7.130.723.327 | 10.191.840.286 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng | 7.130.723.327 | 10.032.692.617 |
| Tổng Công ty Sông Đà | - | 159.147.669 |
| Trả trước của các khách hàng khác | 53.447.243.033 | 63.557.989.087 |
| BQL Dự án các công trình điện Miền Nam | 11.070.999.850 | 33.644.252.160 |
| BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc | 19.693.703.070 | 15.374.798.774 |
| BQL Dự án các công trình điện Miền Trung | 9.426.399.718 | 6.984.773.955 |
| BQL Đầu tư phát triển các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Các khách hàng khác | 9.256.140.395 | 3.554.164.198 |
| Cộng | 60.577.966.360 | 73.749.829.373 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 15.560.978.611 | 36.757.554.853 | (45.979.315.568) | 6.339.217.896 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 377.084.643 | (377.084.643) | - |
| Thuế xuất khẩu, nhập khẩu | - | 47.943.324 | (47.943.324) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.603.603.949 | 16.160.637.967 | (8.355.755.664) | 14.408.486.252 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 966.399.046 | 1.115.244.842 | (1.852.062.181) | 229.581.707 |
| Thuế tài nguyên | 306.566.286 | 1.735.282.504 | (1.963.711.239) | 78.137.551 |
| Thuế bảo vệ môi trường | 788.010.039 | 495.946.114 | (1.084.724.193) | 199.231.960 |
| Các loại thuế khác | - | 9.000.000 | (9.000.000) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 231.230.815 | 5.451.424.723 | (271.720.253) | 5.410.935.285 |
| Cộng | 24.456.788.746 | 62.150.118.970 | (59.941.317.065) | 26.665.590.651 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | | | Năm trước |
|--|--------------------|----------------------|------------------|------------------|
| | Các hoạt động khác | Thủy điện Thác Trắng | Tổng cộng | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 85.645.847.300 | 16.241.451.914 | 101.887.299.214 | 43.544.420.243 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (12.960.561.171) | | (12.960.561.171) | (412.308.124) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.991.215.534 | | 1.991.215.534 | 7.087.691.876 |
| <i>Tiền phạt thuế, BHXH</i> | 604.708.633 | | 604.708.633 | 1.513.375.436 |
| <i>Thù lao HDQT</i> | 96.000.000 | | 96.000.000 | 96.000.000 |
| <i>Chi phí không hợp lệ</i> | 37.000.000 | | 37.000.000 | 217.655.421 |
| <i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i> | 75.121.510 | | 75.121.510 | 75.121.510 |
| <i>Xử lý công nợ</i> | 494.560.216 | | 494.560.216 | 26.934.084 |
| <i>Thuế GTGT không được khấu trừ</i> | 172.116.861 | | 172.116.861 | |
| <i>Xử lý vật tư mất</i> | 511.708.314 | | 511.708.314 | |
| <i>Tồn thất dự án đầu tư</i> | | | | 5.158.605.425 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (14.951.776.705) | | (14.951.776.705) | (7.500.000.000) |
| <i>Cổ tức được chia</i> | (14.951.776.705) | | (14.951.776.705) | (7.500.000.000) |
| Thu nhập chịu thuế | 72.685.286.129 | 16.241.451.914 | 88.926.738.043 | 43.132.112.119 |
| Thu nhập được miễn thuế | | (16.241.451.914) | (16.241.451.914) | (11.903.984.877) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | | | |
| Thu nhập tính thuế | 72.685.286.129 | | 72.685.286.129 | 31.228.127.242 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | | 22% | 22% |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Năm nay | | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Các hoạt động khác | Thủy điện Thác Trắng Tổng cộng | |
| <i>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | 15.990.762.948 | 15.990.762.948 | 6.870.187.993 |
| <i>Thuế TNDN được miễn, giảm</i> | | | |
| <i>Thuế TNDN phải nộp</i> | 15.990.762.948 | 15.990.762.948 | 6.870.187.993 |
| <i>Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước</i> | 169.875.019 | 169.875.019 | 238.071.286 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 16.160.637.967 | 16.160.637.967 | 7.108.259.279 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 4.545.454 | - |
| Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà | 4.545.454 | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 11.071.877.037 | 9.008.575.276 |
| Trích trước chi phí các công trình | 10.731.379.335 | 8.822.653.331 |
| Tiền vật tư chưa có hóa đơn | - | 61.800.000 |
| Phải trả tiền thuê máy móc phải trả | 216.271.500 | |
| Chi phí lãi vay phải trả | 124.226.202 | 124.121.945 |
| Cộng | 11.076.422.491 | 9.008.575.276 |

17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>2.254.000.000</i> | <i>3.859.142.173</i> |
| Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả | 2.254.000.000 | 2.112.966.780 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long - tiền vật tư | - | 1.746.175.393 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>51.625.166.110</i> | <i>42.712.329.677</i> |
| Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN | 472.913.689 | 633.255.866 |
| Kinh phí công đoàn | 889.149.946 | 746.376.461 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 211.794.000 | 0 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 261.190.573 | 395.140.973 |
| Tiền ủy thác góp vốn của CBNV | 2.022.500.000 | 2.022.500.000 |
| Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư | 12.149.127.025 | 1.323.352.980 |
| Phải trả các đội tiền khoán công trình | 31.091.381.386 | 35.599.396.735 |
| Lương của CBCNV | | 281.169.129 |
| Phải trả khác | 4.527.109.491 | 1.711.137.533 |
| Cộng | <u>53.879.166.110</u> | <u>46.571.471.850</u> |

18b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>500.000.000</i> | <i>2.000.000.000</i> |
| Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La | 500.000.000 | 1.000.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | - | 1.000.000.000 |
| Cộng | <u>500.000.000</u> | <u>2.000.000.000</u> |

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | <i>4.000.000.000</i> | <i>4.000.000.000</i> |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱ⁾ | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>84.785.167.694</i> | <i>69.364.706.590</i> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾ | 76.758.620.788 | 57.061.106.590 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây | 28.889.647.810 | 30.331.749.359 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung | 12.611.757.996 | 20.506.841.086 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ | 35.257.214.982 | 6.222.516.145 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 8.026.546.906 | 12.303.600.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất căn cứ theo lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 11 vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số kết chuyển | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 57.061.106.590 | 100.135.739.447 | | (80.438.225.249) | 76.758.620.788 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 4.000.000.000 | | | | 4.000.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 12.303.600.000 | | 7.826.546.906 | (12.103.600.000) | 8.026.546.906 |
| Cộng | 73.364.706.590 | 100.135.739.447 | 7.826.546.906 | (92.541.825.249) | 88.785.167.694 |

19b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 9.262.744.784 | 10.470.287.256 |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | | |
| + Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾ | 5.342.882.087 | 803.877.653 |
| + Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.919.862.697 | 5.239.862.697 |
| + Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | | 4.426.546.906 |
| Cộng | 9.262.744.784 | 10.470.287.256 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn là: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng và hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐTD, vay để thực hiện đầu tư cho dự án nhà máy Thủy điện Thác Trắng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 8.026.546.906 | 12.303.600.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 9.262.744.784 | 10.470.287.256 |
| Trên 5 năm | | |
| Cộng | <u>17.289.291.690</u> | <u>22.773.887.256</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 10.470.287.256 | 19.970.009.603 |
| Số tiền vay phát sinh | 6.789.004.434 | 3.303.877.653 |
| Số tiền vay đã trả | (170.000.000) | (500.000.000) |
| Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | (7.826.546.906) | (12.303.600.000) |
| Số cuối năm | <u>9.262.744.784</u> | <u>10.470.287.256</u> |

20. Dự phòng phải trả

20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Tăng do trích lập | 11.951.469.996 |
| Số cuối năm | <u>11.951.469.996</u> |

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | |
| Tăng do trích lập | 30.367.610.176 |
| Số cuối năm | <u>30.367.610.176</u> |

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 170.484.066 | 457.446.439 | (416.000.000) | 211.930.505 |
| Quỹ phúc lợi | 316.517.525 | 1.000.000.000 | (637.500.000) | 679.017.525 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | | 300.000.000 | (300.000.000) | - |
| Cộng | <u>487.001.591</u> | <u>1.757.446.439</u> | <u>(1.353.500.000)</u> | <u>890.948.030</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 115.531.050.000 | 34.387.700.408 | (128.058.585) | 54.877.777.493 | 15.107.390.938 | 219.775.860.254 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | 36.436.160.964 | 36.436.160.964 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | - | 796.784.938 | (1.249.784.938) | (453.000.000) |
| Chia cổ tức năm trước | | | | | (13.857.606.000) | (13.857.606.000) |
| Bán cổ phiếu quỹ | - | (21.172.785) | 128.058.585 | - | - | 106.885.800 |
| Số dư cuối năm trước | 115.531.050.000 | 34.366.527.623 | - | 55.674.562.431 | 36.436.160.964 | 242.008.301.018 |
| Số dư đầu năm nay | 115.531.050.000 | 34.366.527.623 | - | 55.674.562.431 | 36.436.160.964 | 242.008.301.018 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 85.726.661.247 | 85.726.661.247 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | - | 11.572.504.525 | (13.329.950.964) | (1.757.446.439) |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | - | (23.106.210.000) | (23.106.210.000) |
| Số dư cuối năm nay | 115.531.050.000 | 34.366.527.623 | - | 67.247.066.956 | 85.726.661.247 | 302.871.305.826 |

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà) | 31.030.000.000 | 31.030.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông, thành viên | 84.501.050.000 | 84.501.050.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 34.366.527.623 | 34.366.527.623 |
| Cộng | 149.897.577.623 | 149.897.577.623 |

22c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 11.553.105 | 11.553.105 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.553.105 | 11.553.105 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.553.105 | 11.553.105 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.553.105 | 11.553.105 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 06 tháng 6 năm 2015 như sau:

| | VND |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 23.106.210.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 11.572.504.525 |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành | : 1.757.446.439 |

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 7.694,05 USD (số đầu năm là 170,05 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 26.173.744.709 | 23.878.428.960 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 786.148.904.783 | 763.318.264.924 |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh khác | 111.999.405.933 | 74.190.398.559 |
| Cộng | <u>924.322.055.425</u> | <u>861.387.092.443</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Tổng Công ty Sông Đà | | |
| Cơ quan Tổng Công ty | | |
| Doanh thu xây lắp | 126.086.952.028 | |
| Tổng Công ty cung cấp dịch vụ | 31.818.182 | 141.000.249 |
| Lãi vay phải trả Tổng Công ty | 22.650.368 | |
| Phí bảo lãnh phải trả Tổng Công ty | 337.950.938 | |
| Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu | | |
| Doanh thu xây lắp | 26.570.251.817 | 38.364.170.248 |
| Doanh thu tiền điện | 15.544.680 | |
| Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La | | |
| Doanh thu xây lắp (Điều chỉnh giảm) | (271.485.498) | |
| Ban điều hành dự án thủy điện Nậm Chiến | | |
| Doanh thu xây lắp | 215.740.332 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | | |
| Doanh thu bán điện | | 133.910.578 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | | |
| | 100.075.244 | 650.100.626 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | | |
| Doanh thu bán điện, nước | 3.582.585.123 | 9.646.184.677 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | | |
| Doanh thu tiền nước và tiền điện | 1.273.673.166 | 1.456.468.995 |
| Doanh thu bán ống thép | 5.622.536 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7 | | |
| Doanh thu bán điện | 6.093.750.644 | 5.518.497.271 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | | |
| Doanh thu bán điện, nước | 1.654.555.830 | 187.406.132 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | | |
| Doanh thu bán điện, nước | 1.654.555.830 | 1.369.386.908 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | (878.380.698) | 2.816.787 |
| Giá vốn xây lắp hoàn thành | 3.055.202.881 | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | - | |
| Doanh thu bán điện, nước | 548.031.658 | 120.591.220 |
| Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He | - | |
| Doanh thu xây lắp thực hiện | - | 3.826.809.091 |
| Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco | - | |
| Doanh thu bán điện | - | 30.451.116 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Là khoản giảm giá hàng bán. | | |
| 3. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn bán điện thương phẩm | 6.874.579.053 | 8.068.222.765 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 668.224.154.724 | 643.347.934.084 |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác | 119.786.424.491 | 69.859.744.064 |
| Cộng | <u>794.885.158.268</u> | <u>721.275.900.913</u> |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 178.077.779 | 347.686.108 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 323.403.000 | |
| Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu | - | 214.630.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 14.951.776.705 | 7.500.000.000 |
| Lãi cho vay | 656.445.433 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 7.680 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 38.641 |
| Phí bảo lãnh | 1.339.353.514 | 1.353.726.345 |
| Cộng | <u>17.449.056.431</u> | <u>9.416.088.774</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 5.431.951.821 | 10.320.347.695 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.201.421 | 7.921 |
| Phí cam kết tín dụng | 127.063.026 | 549.298.158 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 141.033.220 | |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 10.322.561.405 | 3.758.350.000 |
| Phí bảo lãnh, phụ phí | 5.513.977.437 | 2.771.374.355 |
| Cộng | <u>21.537.788.330</u> | <u>17.399.378.129</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 29.704.471.261 | 26.259.819.085 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.912.790.793 | 2.414.967.797 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 291.575.751 | 804.892.983 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.907.650.374 | 1.961.863.071 |
| Thuế, phí và lệ phí | 349.683.666 | 482.202.264 |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | (20.211.009.143) | 38.686.424.711 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.558.426.178 | 4.068.106.821 |
| Chi phí bằng tiền khác | 6.517.618.333 | 7.179.741.242 |
| Cộng | <u>24.031.207.213</u> | <u>81.858.017.974</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 333.980.431 | 225.345.882 |
| Xử lý công nợ | 2.132.012.394 | 45.515.600 |
| Thu nhập khác | 7.980.958 | 187.652.632 |
| Bán hồ sơ thầu | 38.183.000 | |
| Bán xăng dầu, vật tư, công cụ | 151.771.440 | |
| Cho thuê cáp | 10.000.000 | |
| Cấp điện | 327.628.952 | |
| Cộng | <u>3.001.557.175</u> | <u>458.514.114</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổn thất dự án đầu tư | - | 5.158.605.425 |
| Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế | 604.708.633 | 1.513.375.436 |
| Xử lý công nợ | 494.560.216 | |
| Thuế GTGT không được khấu trừ | 172.116.861 | |
| Xử lý vật tư mất | 511.708.314 | |
| Bán xăng dầu, vật tư, công cụ | 122.261.427 | |
| Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng | 21.784.300 | |
| Chi phí khác | 504.076.255 | 127.377.473 |
| Cộng | <u>2.431.216.006</u> | <u>6.799.358.334</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã chuyển 20.000.000.000 VND nợ phải thu về khối lượng xây lắp Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn thành vốn góp.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 2.196.257.360 | 1.951.701.591 |
| Phụ cấp | 218.100.000 | 248.000.000 |
| Cộng | <u>2.414.357.360</u> | <u>2.199.701.591</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Tổng Công ty Sông Đà | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thủy điện To Bằng | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn | Công ty con |
| Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <i>Tổng công ty Sông Đà</i> | | |
| Cơ quan Tổng Công ty cung cấp dịch vụ | 31.818.182 | 141.000.249 |
| Lãi vay phải trả Cơ quan Tổng Công ty | 22.650.368 | |
| Phí bảo lãnh phải trả Cơ quan Tổng Công ty | 337.950.938 | |
| Giá vốn dịch vụ BDH dự án thủy điện Lai Châu cung cấp | 58.787.111 | |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu | 229.088.277 | |
| Chi phí xây lắp | 7.432.211.414 | |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</i> | | |
| Chi phí thuê máy và mua vật tư | 2.574.000 | 4.580.540 |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i> | | |
| Chi phí thuê máy và mua vật tư | 158.543.686 | 23.181.345 |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn</i> | | |
| Giá vốn thuê truyền tải | 142.573.105 | 130.618.489 |
| <i>Công ty Cổ phần Someco Sông Đà</i> | | |
| Chi phí xây lắp | 4.480.308.001 | |
| <i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i> | | |
| Giá vốn thí nghiệm công trình | 43.189.327 | 81.686.139 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà</i> | | |
| Chi phí dịch vụ | 257.503.666 | |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.16, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Lĩnh vực xây lắp</u> | <u>Ngoài xây lắp</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 786.148.904.783 | 138.173.150.642 | 924.322.055.425 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 786.148.904.783 | 138.173.150.642 | 924.322.055.425 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 117.924.750.059 | 11.512.147.098 | 129.436.897.157 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (24.031.207.213) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 105.405.689.944 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 17.449.056.431 |
| Chi phí tài chính | | | (21.537.788.330) |
| Thu nhập khác | | | 3.001.557.175 |
| Chi phí khác | | | (2.431.216.006) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (16.160.637.967) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 85.726.661.247 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 7.532.736.092 | 1.329.306.369 | 8.862.042.461 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 12.694.778.968 | 2.240.255.112 | 14.935.034.080 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 25.139.722.400 | 7.290.910.034 | 32.430.632.434 |
| Năm trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 763.318.264.924 | 97.684.207.781 | 861.002.472.705 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 763.318.264.924 | 97.684.207.781 | 861.002.472.705 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 119.970.330.840 | 19.756.240.952 | 139.726.571.792 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (81.858.017.974) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 57.868.553.818 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 9.416.088.774 |
| Chi phí tài chính | | | (17.399.378.129) |
| Thu nhập khác | | | 458.514.114 |
| Chi phí khác | | | (6.799.358.334) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (7.108.259.279) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Lĩnh vực xây lắp</u> | <u>Ngoài xây lắp</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | <u>7.691.740.764</u> | <u>984.335.942</u> | <u>8.676.076.706</u> |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | <u>12.727.022.528</u> | <u>1.628.716.579</u> | <u>14.355.739.107</u> |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | <u>37.629.243.602</u> | <u>4.815.531.109</u> | <u>42.444.774.711</u> |
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: | | | |
| | <u>Lĩnh vực xây lắp</u> | <u>Ngoài xây lắp</u> | <u>Cộng</u> |
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>323.229.056.210</u> | <u>53.976.137.735</u> | <u>377.205.193.945</u> |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | <u>367.937.375.886</u> |
| Tổng tài sản | | | <u>745.142.569.831</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>263.443.576.816</u> | <u>37.877.475.149</u> | <u>301.321.051.965</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | <u>140.950.212.040</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | <u>442.271.264.005</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>355.933.100.158</u> | <u>26.282.077.556</u> | <u>382.215.177.714</u> |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | <u>236.818.607.542</u> |
| Tổng tài sản | | | <u>619.033.785.256</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>192.404.743.316</u> | <u>48.358.582.433</u> | <u>240.763.325.749</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | <u>136.262.158.489</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | <u>377.025.484.238</u> |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|--|-------|--------------------------|-----------------|------------------------|---------|
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp | | | | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 14.358.726.027 | 8.406.055.585 | 22.764.781.612 | (i) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | 50.000.000 | 50.000.000 | (i) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 8.456.055.585 | (8.456.055.585) | - | (i) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 49.305.095.143 | 6.369.467.288 | 55.674.562.431 | (ii) |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 6.369.467.288 | (6.369.467.288) | - | (ii) |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | | | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 857.668.150 | (399.154.036) | 458.514.114 | (iii) |
| Chi phí khác | 32 | 7.198.512.370 | (399.154.036) | 6.799.358.334 | (iii) |

(i) Phải thu ngắn hạn khác, tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản ngắn hạn khác: Trình bày lại số dư tạm ứng và Tài sản thiếu chờ xử lý đang phản ánh ở chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang các chỉ tiêu “ Phải thu ngắn hạn khác” và “tài sản thiếu chờ xử lý”

(ii) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính
Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.

(iii) Thu nhập khác và Chi phí khác
Lỗi hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là chênh lệch nhỏ hơn giữa thu từ thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán và chi phí thanh lý được trình bày thuần ở chỉ tiêu “Chi phí khác”.

4. Thay đổi ước tính kế toán

Năm 2015, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng (xem thuyết minh số IV.12). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trích lập dự phòng này phản ánh hợp lý hơn chi phí bảo hành sẽ phát sinh.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty chỉ cho công ty con vay tiền. Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy, rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|---|---|---|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 170.531.208.177 | | | 170.531.208.177 |
| Chứng khoán kinh doanh | | 17.749.000.000 | | 17.749.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 195.729.599.049 | | 27.805.529.802 | 223.535.128.851 |
| Các khoản cho vay | 14.012.000.000 | | | 14.012.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 4.805.927.196 | | | 4.805.927.196 |
| Cộng | 385.078.734.422 | 17.749.000.000 | 27.805.529.802 | 430.633.264.224 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 47.370.856.667 | | | 47.370.856.667 |
| Chứng khoán kinh doanh | 5.952.000.000 | 11.797.000.000 | | 17.749.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 196.431.945.165 | | 54.641.413.762 | 251.073.358.927 |
| Các khoản phải thu khác | 12.076.702.138 | | | 12.076.702.138 |
| Cộng | 261.831.503.970 | 11.797.000.000 | 54.641.413.762 | 328.269.917.732 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 88.785.167.694 | 9.262.744.784 | - | 98.047.912.478 |
| Phải trả người bán | 113.523.382.704 | 18.907.698.712 | | 132.431.081.416 |
| Các khoản phải trả khác | 41.931.050.571 | | | 41.931.050.571 |
| Cộng | 244.574.686.385 | 28.170.443.496 | - | 272.410.044.465 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 73.364.706.590 | 10.470.287.256 | - | 83.834.993.846 |
| Phải trả người bán | 104.197.537.682 | 15.262.580.255 | | 119.460.117.937 |
| Các khoản phải trả khác | 17.722.729.910 | | | 17.722.729.910 |
| Cộng | 195.284.974.182 | 25.732.867.511 | - | 221.017.841.693 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm (USD) | Số đầu năm (USD) |
|--|----------------------|---------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.694,05 | 170,05 |
| Các khoản phải trả khác | (100.000) | (100.000) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (92.305,95) | (99.829,95) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm (VND) | Số đầu năm (VND) |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 80.000.000.000 | |
| Các khoản cho vay | 14.012.000.000 | |
| Vay và nợ | (98.047.912.478) | (83.834.993.846) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (4.035.912.478) | (83.834.993.846) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 5.833.610.000 VND (số đầu năm là 7.468.650.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật

